

# DUY-MA KINH LƯỢC SỚ

## QUYỂN 6

### PHẨM: BỒ-TÁT

(Phần 2)

Căn cứ hạnh vô sinh mà phá thọ ký một đời: Từ “vi tùng...”.

Sở dĩ căn cứ hạnh mà phá, chính do Di-lặc đã dùng hữu để hỏi rằng: lý không thọ ký đã thế thì đâu có trở ngại duyên với hạnh vô sinh. Hạnh thành trí đoạn được thọ ký quả Bồ-đề. Văn có bốn:

- 1) Song định.
- 2) Song phá.
- 3) Song cùng.
- 4) Song kết.

- Song định (Quyết định song song), từ đâu sinh ra thì từ đó diệt mất. Vì sao? Vì ngài Di-lặc tình chưa đạt đến, nếu vô sinh là lý, mà lý là như, thì không ký nào không ký. Chỉ vì chúng sinh từ vô thỉ mê lý liền có sinh tử. Chư Phật, Bồ-tát quán vô sinh, chân trí sáng thì sinh ra, mê hoặc tối thì tạm mất. Nếu trí sinh ra chiếu cùng cực thì vọng hoặc này dứt mất, trí đoạn đầy đủ gọi là quả Bồ-đề, há sự như lý mà chê trách có thọ ký, cho nên trước song định là Như sinh, Như diệt, trí đoạn quả mãn mà được thọ ký chẳng. Về Thông và Biệt giáo mới xem qua thì sự đồng mà lý có khác. Về Thông và Viên hai giáo thì sự và lý đều khác, cùng với Biệt giáo thì lý đồng mà sự khác.

Hỏi: Biệt và Viên giáo sao được lý đồng mà sự khác?

Đáp: Đồng là Trung đạo nên đồng, còn tu có hai cách riêng nên khác.

- Song nạn “nhược dĩ... hữu diệt”. Đã im lặng chịu quyết định tức căn cứ ở hạnh mà vấn nạn song song cũng là ngầm căn cứ ba giáo về trí đoạn mà thọ ký một đời được quả Bồ-đề tức là dựa theo Thiên, Viên hai chân để vấn nạn song song. Một là dựa theo Thông giáo, Thiên chân của Thông giáo tức là lý chân như. Lý không phải trí đoạn, nếu quán

chân như tức là trí sinh và hoặc diệt. Như dù là vô sinh nhưng thường phát trí. Trí từ Như sinh, sinh không lìa như, tức là trí đức của Như sinh. Như tuy không phải diệt mà thấy như thì hoặc diệt. Diệt không lìa như, tức là đoạn đức của Như diệt. Nay ngài Tịnh Danh gạn hỏi nếu vì Như sinh Như diệt mà được thọ ký thì từ Như có sinh, mà như không có sinh, từ Như có diệt mà Như không có diệt. Ý vấn nạn chính nói rằng: Thế của Như không phải sinh không phải diệt, ước như nói sinh nói diệt là có đức của trí đoạn. Nếu Như có sinh diệt thì không gọi là như, tức là Thế đế, nếu không phải sinh không phải diệt không phải Thế đế, tức là Chân không sinh diệt, tức là như không phải sinh diệt, không được nói từ như mà có trí đoạn sinh diệt. Do đó, ngài Tịnh Danh nói: Từ Như có sinh mà như không có sinh, từ Như có diệt mà như không có diệt. Nếu như không sinh diệt không thành trí đoạn, thì đâu được lìa như mà riêng có trí đoạn sinh diệt. Tức là Không có căn cứ ở hạnh vô sinh có thể nhận được thọ ký trí đoạn của một đời. Lại nữa, do tâm năng duyên vô sinh thành trí đoạn, ấy tức là tự sinh. Nếu do lý sở duyên tức là tha sinh, nếu năng sở hợp lại tức là cộng sinh. Nếu lìa năng sở tức là vô nhân sinh trí đoạn. Nên ngài Long Thọ có kệ rằng: “Các pháp Không tự sinh” cho nên, đâu thể được tâm năng duyên Chân như.

Sinh trí đoạn mà được thọ ký? Cho đến tất cả không thể vô nhân sinh và như ở câu đầu, đều là dẫn kệ ở Trung luận để thành bốn câu, chính là phá tha sinh. Vì sao? Vì ngài Di-lặc cho rằng nhân như phát trí thành trí đoạn mà hành giả được thọ ký.

Hai là song nạn về Biệt, Viên hai giáo, mỗi mỗi đều suy Thông giáo hạch sách không mất một câu. Nhưng Thông, Biệt hai giáo thì Thông giáo duyên với thiên chân, còn Biệt giáo duyên với tu. Lại Biệt giáo duyên tu là tự, còn Viên giáo chân tu cũng là tự, cẩn thận chớ lộn.

Hỏi: Vì sao Thông và Biệt dùng duyên tu làm tự, còn Viên giáo dùng chân tu làm tự?

Đáp: Thông và Biệt dùng trí để thành Phật, như chỉ là cảnh, nên duyên là tự. Còn Viên giáo dùng chân để thành Phật, duyên tu chỉ là phước tuệ trang nghiêm, nên chân như là tự.

Hỏi: Thông giáo chỉ là cái chân đoạn không phát trí mà thôi, trí là người tu nói là tự, lý chỉ là cảnh có thể được là tha. Biệt giáo nói lý trung sao không đồng với Viên mà lại đồng với Thông giáo?

Đáp: Lý tuy đồng Viên cơ, nhưng giáo không đồng. Biệt giáo nói duyên chân, chân tuy thường nhưng lý không phải trí. Dùng trí quán lý

mà chưa phát chân trí. Trí duyên tu thì không gọi là thường, nên không đồng với Viên.

Hỏi: Biệt đồng với Thông giáo cùng duyên làm tự, mạch suy chung bốn trường hợp có thể biết, còn Viên dùng chân làm tự thì bốn trường hợp là thế nào?

Đáp: Trí đoạn không phải tự sinh, không phải chân tu mà thành, cũng không phải tha sinh, không phải duyên tu mà thành, cũng không phải phải cộng sinh, không phải chân duyên hợp thành, cũng không phải Không nhân sinh, không phải lìa chân và duyên mà thành, mà có trí đoạn của Viên giáo. Nếu bốn trường hợp kiểm tra trí đoạn không được thì không nhận thọ ký một đời của Viên giáo. Chỉ ý vấn nạn của ngài Tịnh Danh là vấn nạn về tự sinh chân tu trí đoạn của Viên giáo, trong đó sát hạch tốt cùng không phải là sở năng của hai lần mười phen. Hễ không thấy sâu ý này thì nghĩa Viên giáo chân tu cũng khó tồn tại. Viên chân còn thế, thì Biệt Thông duyên tu đâu dễ còn. Nhân ngài Tịnh Danh gạn hỏi một mà thành ba, ý rất rõ ràng không quá mức.

Hỏi: Chỉ dùng một lần đâu khiến đóng kín cả ba giáo, mỗi người nghe tất bỏ chấp riêng của mình?

Đáp: Như xưa ta về Thiểm tây thấy ở chùa đạo nhân, Trương Công vì Lương Tuyên vẽ vẽ trên vách Bắc đại điện hình Phật Lô-xá-na và một con rùa. Tượng có hai mắt, tùy người động tĩnh đều thấy mắt nhìn mình, mắt rùa cũng thế. đó là Sắc pháp ở đời mà còn tuyệt diệu như thế, huống ngài Tịnh Danh đã trụ vào diệu trí Bất tư nghị. Một phen vấn nạn khiến cả ba cùng phá cái bệnh chấp tâm tự bỏ thay.

- Song cùng “nhất thiết chúng sinh...”. Văn có hai phần:

1/ Do bốn Như là nguyên do “cùng”.

2/ Chánh kết nghĩa cùng”

Phần một gồm có bốn: căn cứ tất cả chúng sinh như, căn cứ tất cả pháp như. Căn cứ chúng Hiền Thánh Như. Căn cứ Di-lặc như. Cả bốn thứ này cùng tìm xét kỹ ý ấy cũng ngầm dựa theo nghĩa của ba giáo:

Căn cứ Thông giáo làm bốn cùng có ba là cùng thuận. Từ đầu đến một câu cuối là cùng nghịch, từ cuối đến một câu đầu là căn cứ chúng sinh Như.

Căn cứ chúng sinh Như mà cùng thuận tức là giả nhân (người giả). Giả nhân như và Di-lặc như là một như không phải hai như. Nếu chúng sinh như không sinh không diệt, thì không được thọ ký. Di-lặc cũng thế, sao được thọ ký riêng. Di-lặc như không sinh không diệt được thọ ký, thì hai Như là khác, mà khác là Không phải Như. Nếu là Như mà không

thọ ký riêng ký thì phải đồng mà không thọ ký cũng đồng. Hoặc chung hoặc cùng không phải là số của ba phen.

- Căn cứ tất cả pháp Như cùng thuận, tất cả pháp như chung cả tình và vô tình. Tình tức là năm ấm thật pháp, vô tình tức là ở ngoài cõi nước, tất cả đều là Như. Cùng Di-lặc Như là một Như không hai. Đây chỉ lấy vô tình thế cho chúng sinh, câu câu đều đồng, cần suy ra mà nói. Vì sao? Bởi pháp vô tình Phật không thọ ký. Nên Đại kinh nói: Nếu cây Ni-câu-đà hay tu giới định và trí tuệ thì ta cũng thọ ký cho quả Bồ-đề, vì nó vô tâm nên không thọ ký. Nên cho đó là cùng, vì khác loài hữu tình vậy.

- Căn cứ chúng Thánh hiền như, cùng thuận, tức ba thừa Thánh hiền của Tạng Thông tất cả đều như, cùng Di-lặc như thì nhất như không hai. Đây cũng theo như trước. “Nếu chúng sinh trở xuống câu câu đều đồng thì chuẩn theo trước mà nói. Từ Pháp Hoa trở về trước thì Hiền Thánh Nhị thừa đều không có thọ ký, nên cho đó là cùng.

- Căn cứ Di-lặc như ba ngược lại ba thứ cùng ở trước nên gọi là phần. Đây có ba lớp, tức là cùng ba phen trước. Mỗi mỗi đều nói rằng một Như không hai, ký và không ký đều như nhau, ý rất rõ ràng.

Căn cứ Biệt giáo, Viên giáo đều làm bốn cùng, thì suy theo Thông giáo sẽ biết.

Phần hai, chánh kết nghĩa cùng Từ “Nhược Di-lặc... bất nhị bất dị” cũng có bốn ý: căn cứ theo chúng sinh, căn cứ theo tất cả pháp, căn cứ theo các Thánh hiền, căn cứ theo Di-lặc.

Cả bốn ý này cũng ngầm dựa theo ba giáo

Căn cứ đều cùng của Thông giáo, cũng có ba thuận một nghịch.

- Căn cứ chúng sinh mà kết luận đều cùng thuận. Nói rằng nếu ngài Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sinh cũng phải được thọ ký, vì hai Như đã đồng nhất tất phải đều được thọ ký. Ngài Tịnh Danh tự giải thích rằng phàm là Như thì không hai không khác, nếu có hai có khác thì mới được một bên thọ ký, một bên không thọ ký. Đã là Không hai không khác thì cả hai đều phải được thọ ký.

Hỏi: Hai và khác có gì khác nhau?

Đáp: Hai là chỉ luận thể nó riêng biệt, còn khác là nói tướng nó không đồng.

Căn cứ theo tất cả pháp mà kết đều cùng và Căn cứ chúng Thánh hiền mà kết đều cùng. Văn lược bỏ không nói ra, nên suy từ phần chúng sinh trên mà biết.

Căn cứ Di-lặc đều cùng nghịch, thì văn cũng lược bỏ không nêu

ra, cần chuẩn theo trước. Về cùng nghịch là nếu các Hiền Thánh không được thọ ký thì Di-lặc cũng không được thọ ký. Vì sao? Vì phạm là Như thì không hai không khác. Nếu tất cả chúng sinh không được thọ ký thì tất cả các pháp cũng đều như thế.

Căn cứ Biệt và Viên giáo cũng làm bốn thứ kết luận nghĩa đều cùng, y theo phần Thông giáo trên mà biết. Nếu Di-lặc không thể thông thì nghĩa thọ ký của ba giáo đều hỏng nên bị chê bỏ.

Song kết giải thích “Nhược Di-lặc trở xuống. Văn có hai:

1/ Căn cứ phá Trí đức mà giải thích.

2/ Căn cứ phá Đoạn đức mà giải thích.

- Căn cứ ở phá Trí đức, cũng ngầm dựa theo trí đức của ba giáo mà giải thích.

Giải thích theo Thông giáo : Bồ-đề đối với chúng sinh phiền não. Chúng sinh phiền não như thì Bồ-đề như, không hai không khác. Nếu Di-lặc được quả Bồ-đề thì tất cả chúng sinh cũng đều phải được. Trong đây ngài Tịnh Danh giải thích rằng tất cả chúng sinh tức là tướng Bồ-đề. Chúng sinh đã là tướng Bồ-đề mà như không tự sinh, lại không được có quả thượng trí đầy đủ Bồ-đề có thể thọ ký cho.

Giải thích theo Biệt giáo , cũng đồng với Thông giáo, chỉ thấy Trung đạo là khác.

Giải thích theo Viên giáo , chúng sinh phiền não có tướng trí tuệ như mặt người có tướng phước đức. Tướng Bồ-đề này tức Tướng Như như, tức tướng trí tuệ. Chúng sinh và Di-lặc đều có tướng này. Phật quán thấy hai như đều được thọ ký. Tuy gồm cả hai giáo trước, nhưng ý kinh là ở Viên giáo.

Hỏi: Vì sao dùng ba giáo để phá, mà giải thích chỉ dùng Viên?

Đáp: Phá là phá chấp, giải thích là thành cái thật nghĩa. Ở giáo trước không người không hạnh, giáo phá đều không. Viên giáo chấp phá tức giáo, chân, hạnh đều rõ ràng, nên chánh ước ở Viên. Đây kết giải thích chân tu như không sinh, tức không có trí đức nên không được thọ ký.

- Căn cứ ở phá Đoạn đức mà giải thích “Nhược Di-lặc đến bất phục cánh diệt”. Cũng ngầm dựa theo ba giáo.

Phá Thông giáo: Niết-bàn và chúng sinh đã Như nên không khác, cả hai đều diệt độ, nên ngài Tịnh Danh tự giải thích rằng: Chư Phật biết tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn không còn diệt nữa. Chúng sinh là tướng Niết-bàn sẵn có Như đã không diệt mất thì không có Đoạn đức diệt trên quả có thể thọ ký.

Ước phá Biệt giáo, nếu chúng sinh Như, tức tướng Niết-bàn không thể diệt, là Không có Thập địa hậu tâm không nói diệt rốt ráo đoạn đức Niết-bàn. Phá Viên giáo suy theo Thông giáo mà biết. Trên đây là phá giáo, còn nhân, hành cũng suy theo trên mà biết. Đây là giải thích chân như bất diệt tức không có đoạn đức nên không được thọ ký Đại Niết-bàn.

Chánh kết lỗi mà khuyên bỏ: “Thị cố Di-lặc trở xuống có ba phần: Kết lỗi. Khuyên bỏ kiến chấp và giải thích.

- Kết lỗi: Nếu không phương tiện dạy quả Bồ-đề nói quả Bồ-đề này khuyến dụ tâm người khởi sinh kiến Bồ-đề, tức có lỗi dối lừa người, nên ngài Tịnh Danh tự nói: Thật không có phát tâm Bồ-đề cũng không có ngôi vị bất thoái, như Bồ-đề tâm Viên giáo còn không thể được, tức không có người thoái chuyển há lại có phương tiện dạy phát tâm và vị bất thoái. Đã không có nhân tức là Không có quả có thể được. Không có quả kiến cầu mà thọ ký cho tức là dối khuyến dụ tâm người.

Hỏi: Quả là Phật nói và thọ ký cho Di-lặc, vậy Phật khuyến dụ lừa dối nào có liên hệ gì đến Di-lặc?

Đáp: Đại Luận có nói: Khi Phật ngồi đạo tràng thật không được một pháp nào, tay không mà dối dụ trẻ con để độ tất cả. Lúc đầu Phật tuy có khuyến dụ nhưng đến Thật thì cần phải bỏ nên dùng kết lỗi để chê trách Di-lặc.

- Khuyên bỏ kiến chấp “Di-lặc đến chi kiến”, phương tiện Bồ-đề không người có giáo, nếu chấp Không bỏ thì chướng nhập vào nhất thật. Nên trong Đại kinh nói: Từ đây trở về trước đều gọi là tà kiến, nên cần phải bỏ.

Hỏi: Do đâu Di-lặc khuyên Thiên tử bỏ kiến chấp?

Đáp: Ngài Di-lặc dạy ông ta phát tâm tu vị bất thoái, không tin vào lời người khác, nên lại khiến Di-lặc khuyên bỏ.

- Giải thích ý khuyên bỏ “sở dĩ đến tâm đắc”. Phá về thân tâm được thì bốn giáo không đồng.

Phá Tam tạng giáo kinh Thanh Văn nói ví như người nghèo muốn cưới con gái nhà giàu. Gia đình cô gái nói: Muốn được con ta thì phải làm sạch nhà người. Quả Bồ-đề cũng nói với Hậu Tâm Bồ-tát rằng: Muốn được Bồ-đề phải tu tướng hảo, nếu các tướng đầy đủ mới được Bồ-đề. Đây tức là Thân được. Điều phục kiết thuận thực, ở đạo tràng hàng ma, tại gốc Bồ-đề mà được diệt cam lộ tức là Tâm được. Đại luận nói hủy phá tức là Không thể dùng thân tâm mà được.

Phá Thông giáo, nếu dùng “không” tâm mà tu các tướng hảo, cõi

Phật thanh tịnh, trang nghiêm y chánh báo, gọi là thân được. Khi ngồi đạo tràng, một niệm tương ứng với tuệ, đoạn dứt chánh tập tức là tâm được. Phá như Kim Cang Bát-nhã nói: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy làm tà đạo, không thấy được Như Lai. Đây tức là Không thể dùng thân tâm mà được.

Phá Biệt giáo. Nếu nói nhân diệt là sắc nhận được thường sắc, tức là thân được, thọ, tưởng, hành, thức cũng thế, tức là tâm được. Nay kiểm lại lời này là vô thường sắc ấy diệt thì nhận được thường sắc. Vô thường sắc không diệt thì nhận được thường sắc. Như thế bốn trường hợp kiểm không thể được, tức là Không thể dùng thân tâm mà được.

Phá Viên giáo, chân tu diệu sắc tâm hiển sáng, không cần duyên tu công đức trí tuệ mà hiển sáng, tức là Không thể dùng thân tâm mà được. Lại nữa, nếu chân tu thì thể sắc tâm hiển sáng đầy đủ được Bồ-đề, cũng là nghĩa thân Tâm được. Nên trước phá Như sinh Như không có sinh tức là sắc pháp tánh, pháp, tánh, thọ, tưởng, hành, thức không sinh. Không sinh tức là vô lậu đầy đủ, nên không thể dùng thân tâm mà được.

Nói rộng về chân Bồ-đề “Tịch diệt...”: Sở dĩ nói rộng, là trên đã vấn nạn để phá, lại khuyên bỏ kiến chấp. Ấy là tin giáo thiên lệch nên quy tâm chờ theo. Nhận Viên giáo mà chưa nhập, thì cũng không biết chánh nghĩa, nên cần phải rộng bày hai mươi lăm phen Chánh nghĩa Bồ-đề. Văn có ba phần

- 1) Một phen nói tóm lược thật tướng của biểu tượng Bồ-đề.
- 2) Hai mươi hai phen căn cứ chân trí đoạn, mà nói Bồ-đề.
- 3) Hai phen lại căn cứ thật tướng diệu lý mà kết thành chân trí đoạn Bồ-đề.

Một phen nói tóm lược: Vì sao? Vì trên đã phá không có trí đoạn, không được thọ ký. Học theo bốn giáo, là bệnh chấp đã bỏ, nay lại nói cho họ nghĩa chân trí đoạn đều là Bồ-đề. Đó là ba đức Bồ-đề như chữ y ở đời, tức là chân Bồ-đề của Viên giáo. Giải thích hai mươi lăm trường hợp hoàn toàn dùng Viên. Tịch diệt là Bồ-đề, tức tất cả pháp đến tâm, tâm tức Trung đạo. Lý chân như xưa không sinh thì nay không diệt. Không sinh tức không phải trí, không diệt tức không phải đoạn, tức là nghĩa chân tịch diệt, cũng là Đại Niết-bàn bất sinh, bất sinh bất khả thuyết. Nói Bồ-đề tức là thật tướng Bồ-đề của Viên giáo. Nói diệt các tướng, nếu không biết thật tướng Bồ-đề thì không thể nói chấp tướng bốn giáo mà khởi phiền não sinh tử. Bốn thứ tướng này có mười sáu tướng sinh ra tất cả tướng, cho nên có tất cả phiền não sinh tử rồi rắm.

Nếu thật tướng Bồ-đề tức là bất sinh, bất sinh không thể nói, tức là bốn môn đều diệt huống là sinh hay bất sinh... Ba tướng bốn môn và tất cả tướng hoặc mà không diệt mất ư? Ý ngài Tịnh Danh nói là thật tướng không có tướng, hay diệt các tướng nên nói là diệt.

Chính thức căn cứ Trí Đoạn chân thật tức Bồ-đề “Bất quán...”. Lại có hai, là nói lược và nói rộng . Về lược nói có hai:

a) Hai phen chính nói trí đức chân thật tức là chân Bồ-đề, tức là Ma-ha Bát-nhã.

b) Bốn phen nói đoạn đức chân thật.

Chẳng quán là Bồ-đề, tức là dứt phương tiện quán, tức là chẳng quán.

Lìa các duyên, tức lìa các duyên tu và tất cả duyên cố.

Không làm là Bồ-đề, nếu biết Chân không thì không làm lung tạo tác, vì tất cả muôn hạnh tức là Bồ-đề. Nên Đại Phẩm nói: Nếu tâm và tâm số pháp Không làm là làm Bát-nhã.

Không nghĩ nhớ, là Không nghĩ nhớ bốn thứ thọ ký Bồ-đề và tất cả pháp. Đây là chân quán hạnh tức là Bồ-đề trí đức chân thật.

Bốn phen nói đoạn đức chân thật tức Bồ-đề “Đoạn thị Bồ-đề... Vô tham trước cố”, tức là đức giải thoát.

Đoạn là Bồ-đề, tức là chân như hiển hiện, kiến tư hoặc đều dứt, tức là đoạn đức Bồ-đề. Bỏ chấp bốn giáo, khởi kiến Bồ-đề và tất cả kiến, tức là bỏ các kiến.

Lìa là Bồ-đề, là lìa bốn giáo nói về quán hạnh và tất cả pháp, tức là Bồ-đề đoạn đức chân thật.

Lìa các vọng tưởng, là lìa duyên tu của bốn môn và tất cả vọng tưởng.

Chướng là Bồ-đề, là nếu biết bình đẳng chân pháp giới Phật không độ chúng sinh, tức là Phật không hay làm, tức là ngăn chướng các phương tiện giáo môn thế nguyện, đây là đoạn đức chân thật.

Không nhập là Bồ-đề, nếu biết chân như rốt ráo không hình tướng, tức là Không nhập vào quyền giáo Niết-bàn và tất cả pháp, vì không nhập nên không tham trước, tức là Bồ-đề Đoạn đức chân thật .

Về nói rộng “Thuận là Bồ-đề...”. Chân trí đoạn tức là Bồ-đề. Trong đây phần nhiều nói rộng về trí đức, ít nói về Đoạn đức. Vì sao? Vì Bồ-đề là trí, còn đoạn là thuộc Niết-bàn nên là phụ. Có hai phần:

c) Chín phen nói theo trí đức.

b) Bảy phen nói không thể dùng thân tâm mà được.

Thuận là Bồ-đề, chín phen nói theo trí đức là nếu : quá vượt chẳng



thấy Bồ-đề của bốn giáo tức là thuận Trung đạo chân như của Viên giáo.

Trụ là Bồ-đề, là trí chẳng trụ ở bốn giáo và tất cả pháp, tức là trụ ở pháp tánh của Viên giáo.

Đến là Bồ-đề. Nếu quán các pháp và Bồ-đề của bốn giáo thì rốt ráo không thể được, tức là thường đến thật tế chân như.

Không hai là Bồ-đề, nếu có phương tiện Bồ-đề Thiên giáo và tất cả pháp, thì tức là pháp trần đối với nội ý căn tức là hai. Quán hai pháp này đều không thể được mà nhập vào môn không hai (Bất nhị) mà thấy Trung đạo liền lia bỏ hai chết, đây là một phen nói thuộc đoạn đức.

Bình đẳng là Bồ-đề. Nếu quán Niết-bàn cùng sinh tử bình đẳng, tức là bình đẳng đối với Phật tánh hư không, là Bồ-đề trí đức chân thật.

Vô vi là Bồ-đề, nếu quán pháp tánh rộng sáng Thường tịch tức là chân vô vi, không bị sinh tử bệnh tử biến dời.

Trí là Bồ-đề, là các phương tiện giáo duyên tu mà vào chân chẳng thấy có tâm hành chúng sinh, chân trí của Viên giáo tịch mà thường chiếu. Tâm hành chúng sinh tự quán trí Trung đạo sáng rõ rõ ràng.

Bất hội là Bồ-đề, các phương tiện giáo nói trí duyên tu hội nhập ở lý mới gọi là trí. Chân tu trí thể của Viên giáo tức là lý tịch diệt không phải là trí đến hội.

Bất hợp là Bồ-đề, là phương tiện chân trí về lý mà nói cùng vô minh hợp nhau, chưa thể lia các tập. Chân tu trí thể mà không cùng hợp, tức là thường lia ở nguyên phẩm tập. Đây nói thuộc đoạn đức, bỏ lấy rất khó, cần suy nghĩ chín chắn.

Bảy phen không thể dùng thân tâm mà được “Vô xứ thị Bồ-đề trở xuống. Vô xứ là Bồ-đề, đây à không thể dùng thân tâm mà được. Bồ-đề Thiên giáo trí nương vào sắc thân, sắc thân là xứ, đây không thể dùng thân mà được. Bồ-đề của Viên giáo thì sắc tâm không hai, đã không có năng sở tức là vô xứ. Đây tức là Không thể dùng thân mà được.

Từ “giả danh” đến “đẳng cố” đây là sáu phen nói nghĩa chân trí, Bồ-đề không thể dùng tâm mà được.

Giả danh là Bồ-đề, tâm là giả danh, bốn thứ Bồ-đề chỉ có danh tự, nếu quán tức không mà thấy ở Phật tánh tức chân trí Bồ-đề không thể dùng tâm mà được.

Như Hóa là Bồ-đề: các pháp như hóa, bốn thứ Bồ-đề đều như hóa. Nếu biết như hóa đều không thể được, tức là Không chấp tướng Bồ-đề, không bỏ phiền não tức là chân trí Bồ-đề.

Không loạn động là Bồ-đề: phiền não vọng tưởng và duyên tu động niệm đều là loạn tưởng. Biết các loạn tưởng này đều không thể được, thì dứt tâm thấu suốt cội nguồn, nội tâm thường tịch, lặng lẽ, thì không có cảnh trí loạn động.

Thiện tịch là Bồ-đề, phương tiện duyên tu chưa thể thuận lý, không gọi là chân thiện. Có duyên có niệm tức là loạn tưởng, không gọi là tịch. Sơ tâm của Viên giáo, trí tức chân như, gọi là thiện. Chiếu mà không động niệm, gọi đó là tịch. Trí tức pháp tánh, pháp tánh không nhiễm tức là tánh tịnh.

Không chấp lấy là Bồ-đề, nếu biết Bồ-đề của bốn giáo và tất cả pháp đều không có, tâm không đắm trước, tức là Bồ-đề của Viên giáo, lia bỏ tâm phan duyên Bồ-đề và tất cả các pháp.

Không khác là Bồ-đề: các giáo phương tiện nói Bồ-đề khác phiền não. Nếu biết Bồ-đề không khác phiền não tức là bình đẳng trí đức Bồ-đề của Viên giáo.

Hai phen căn cứ diệu lý thật tướng mà kết luận: Nói ba đức Bồ-đề bất tư nghị kết thành Từ “vô tử đến nan tri cố”.

Không sánh được là Bồ-đề bất tư nghị, chân như Trí, Đoạn tức là tất cả pháp, không thể dùng pháp lại sánh với pháp, nên không thể dụ.

Vi diệu là Bồ-đề, lý quyền không phải là diệu. Các pháp của Viên giáo tức là chân như, chân như tức là Trí, Đoạn. Các pháp đều là ba đức Bồ-đề bất tư nghị mới là cực diệu, không phải các phàm tiểu và phương tiện Bồ-đề biết được.

Chư Thiên được lợi ích “Thế Tôn... pháp nhãn”, mong cầu đã dứt, nước trong châu hiện, được bậc Sơ trụ Vô sinh pháp nhãn của Viên giáo. Hoặc một thứ tiếng mà hiểu khác, thì được vô sinh của Thông và Biệt giáo. Đã chưa bằng Pháp Hoa đâu thể phán định.

\* Kết lời không kham “nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy”. Ngài Di-lặc tự nghĩ lúc xưa vì trời Đâu-suất nói bất thoái chuyển không lợi ích cho họ mà bị chê trách, không trả lời được. Nay đâu dám lãnh ý Phật đến thăm bệnh nên từ chối không kham.

**Chánh văn:** Đức Phật bảo Quang Nghiêm Đồng tử: Ông đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Hai là: Sai Quang Nghiêm Đồng tử. Văn có hai phần: Sai thăm bệnh, từ chối không kham.

- Sai thăm bệnh. Kế tiếp sai ngài Quang Nghiêm, ngài là Bồ-tát tại gia, pháp hữu của ngài Tịnh Danh và Bảo Tích. Cũng là pháp thân Đại sĩ ngôi vị ở bậc Bồ xứ. Sở dĩ gọi Quang Nghiêm Đồng tử, vì Quang

có ba ý nghĩa:

- a) Sắc.
- b) Tâm.
- c) Phi sắc phi tâm.

Sắc quang như bối xả, quán xương, phát ra tám thứ ánh sáng chuyển làm Thắng xứ và tất cả chỗ phóng ra các thứ ánh sáng.

Tâm quang, tức là ánh sáng trí tuệ thường chiếu soi các Hoặc mờ tối.

Phi sắc phi tâm quang tức ánh sáng Đệ nhất nghĩa, như kinh Phạm Võng phóng ra ánh sáng, Đệ nhất nghĩa. Đại kinh nói: Lưu Ly Quang Bồ-tát phóng ra ánh sáng tức là việc này. Kinh ấy nói: Ánh sáng, tức là Đệ nhất nghĩa đế, không phải sắc không phải tâm mà hiện ra sắc tâm. Vì sao? Vì kinh nói: Ánh sáng không phải sắc xanh mà thấy xanh..., tức là sắc không phải sắc. Ánh sáng đó là trí tuệ, tức không phải tâm mà nói tâm. Tam tạng giáo, Thông, Biệt giáo chỉ có hai thứ ánh sáng sắc và tâm. Chỉ có Viên giáo mới có ánh sáng Đệ nhất nghĩa, đó là ánh sáng bất tư nghị.

Nghiêm, tức là phước, trí hai nghiêm, đầy đủ như trong Đại kinh nói. Cũng là sức định tuệ trang nghiêm đầy đủ như trong kinh Pháp Hoa. Sắc quang tức là phước nghiêm, tâm quang tức là trí nghiêm, Đệ nhất nghĩa quang tức là pháp thân. Hai thứ ánh sáng trang nghiêm hiển phát pháp thân, nên gọi là Quang nghiêm.

Hỏi: Nếu Đệ nhất nghĩa là ánh sáng thì đâu cần ánh sáng sắc và tâm?

Đáp: Như mặt trời và gương làm hiển lộ mặt. Mặt được mặt trời thì thấy, tức mặt trời trí và Gương phước cùng làm hiển lộ mặt Đệ nhất nghĩa. Tức được khai Phật tri kiến mà thấy mình và người.

Đồng tử, là Bồ-tát trụ ở địa Cư-ma-la-ca gọi là Đồng chân. Như trẻ thơ ở đời, tâm không ái nhiễm, nghĩa là Không yêu đắm vợ mình vợ người. Không yêu vợ mình là như ngài Kim Sắc Ca-diếp. Không yêu vợ người, tức là Không yêu tất cả phụ nữ và vợ người. Bồ-tát cũng thế. Tuy quán ba đế chứng các pháp hỷ, nhưng ở hai đế pháp hỷ không yêu thích, tức là Không yêu tất cả phụ nữ và vợ người. Không yêu thích Trung đạo pháp hỷ, tức là Không yêu vợ mình. Đầy đủ hai nghĩa này như trẻ con ở đời, nên gọi là Quang Nghiêm Đồng tử.

Trước sai ngài Di-lặc để hiển bày Bồ-đề của Viên giáo, khai Phật tri kiến không nhằm ở thân sau. Nay sai ngài Quang Nghiêm là muốn nói về đạo tràng Viên giáo, bày Phật tri kiến, cũng không ở tại gốc Bồ-

đề ở vị lai. Khai kiến là tướng chung, như lúc đầu thấy châu Như ý chỉ là một tướng tròn. Hiện bày là tướng riêng. Như thấy châu Như ý mưa ra các ngọc báu, rồi dựa vào tâm đầu tiên mà không cầu xa xôi. Nên trong Đại Phẩm có nói: Mỗi mỗi pháp môn đều là Ma-ha Diễn. Kinh này nói đó là đạo tràng. Ngài Tịnh Danh thuở xưa phá ngài Quang Nghiêm là mượn ngài để phá Bồ-đề của ba giáo không phải là chân đạo tràng. Quang Nghiêm hiện bày việc bị chiết phục chính là hiển bày chân thật đạo tràng của Viên giáo. Nay Phật sai tiếp ngài, là nếu ngài kể việc bị chê trách xưa thì cả đại chúng cùng nghe được nghĩa chân đạo tràng của Viên giáo, thành tựu được năm ích lợi trước.

- Từ chối không kham “Quang Nghiêm...”. Văn có bốn:

- 1) Đáp lời không kham.
- 2) Nói lý do không kham.
- 3) Chính kể việc bị chê trách.
- 4) Kết thành không kham.

\* Đáp lời không kham: Vì thuở xưa hỏi nghĩa đạo tràng mà không đáp được, nên không kham truyền ý Phật đến thăm bệnh.

\* Nói lý do không kham: Do không biết nghĩa chân đạo tràng.

Văn có năm:

- a. Ra vào gặp nhau.
- b. Quang Nghiêm chí kính.
- c. Hỏi từ đâu đến.
- d. Đáp ở đạo tràng đến.
- e. Quang Nghiêm lại hỏi.

Ra vào gặp nhau, mà có sự chê trách là lý do không kham. Hoặc trên biểu: Thành là gốc vắng lặng. Ra là trái lý, vào là thuận chân. Quang Nghiêm là biểu thị: Học phương tiện vốn yên lặng chưa sáng, tâm mê lý xa, nên gọi là ra. Ngài Tịnh Danh nương vào Viên từ lâu ngộ một thật vào dòng nước pháp, gọi đó là vào. Do Quang Nghiêm trái lý nên mê đạo tràng, cơ cảm gặp nhau mà có bị gạn hỏi chê trách.

Hỏi: Từ trước các đệ tử Bồ-tát đều bị chê trách, nay Quang Nghiêm được nói thẳng nghĩa đạo tràng chưa thấy bị khuất phục, sao lại từ chối không kham?

Đáp: Nghe đạo tràng của Viên giáo mịt mờ không hiểu, tức là khuất phục. Tâm đã chịu phục bèn thỉnh hỏi đạo tràng và liền nói mà không đợi hỏi, nên không kham thăm bệnh.

- Quang Nghiêm chí kính. Sở dĩ lạy, là Quang Nghiêm cúi đầu mọp dưới chân vì biết rõ Đại sĩ cao đức lợi vật vô cùng nên rất chí

kính.

- Hỏi từ đâu đến “mà hỏi rằng Cư sĩ từ đâu đến” vì không biết từ đâu nên hỏi.

- Đại sĩ đáp: Ta nói ta từ đạo tràng đến. Thật không phải từ chỗ Phật thành Đạo đến, vì muốn nói nghĩa sơ tâm chân đạo tràng của Viên giáo để phá các giáo thiên lệch về sự tích Viên giáo để nói về đạo tràng. Nên đáp rằng từ đạo tràng đến.

- Quang nghiêm lại hỏi “con hỏi đạo tràng là gì”. Sở dĩ Quang Nghiêm mê lời đáp này vì đạo tràng vốn là nơi Phật thành đạo. Như ở đời, sân lúa là nơi loại bỏ trấu cám để được gạo. Bồ-tát cũng thế, loại bỏ tâm mê hoặc để hiển bày thật tướng, nên nơi thành đạo gọi là đạo tràng.

Nói theo Tam tạng giáo, thì dưới cội Bồ-đề dùng cỏ làm tòa chánh tập đều dứt, nơi thành Phật gọi là đạo tràng. Theo Thông giáo thì dưới cội Bồ-đề, dùng Thiên y làm tòa, chánh tập đều hết, nơi ấy thành Phật gọi là đạo tràng. Theo Biệt giáo thì dưới cội Bồ-đề bảy báu làm tòa, Phật Lô-xá-na hoặc ngoại giới đều hết, nơi đầu tiên thành chánh giác tức là tịch diệt đạo tràng. Theo Viên giáo thì ở trên hư không hoa sen làm tòa vô minh pháp giới dứt hẳn, nơi đầu tiên thành Phật cũng là tịch diệt đạo tràng. Ngồi tòa cỏ thành Phật, nói kinh Thanh Văn và thiên y, bảy báu, hư không hoa sen hơn cả vua trời... đều là tùy cơ cảm mà thấy bốn thứ đạo tràng này, tiểu cơ thì thấy nhỏ, Đại thừa thì thấy Bồ-tát của ba giáo, nên có ba tướng đạo tràng thành Phật khác nhau. Ngài Quang Nghiêm không thấy Đại sĩ từ các nơi này đến, sao bỗng đáp từ đạo tràng đến, cho nên hỏi lại.

Chính kể việc bị chê trách: “Đáp rằng...”. Quang Nghiêm chỉ biết nghĩa quả đạo tràng đầu tiên của phương tiện giáo mà chưa biết phát tâm cũng là đạo tràng của Viên giáo. Giống như ngài Di-lặc nói pháp đều trôi vào quả quyền mà dẫn thành hạnh bất thoái. Nay ngài Tịnh Danh nói Viên để phá ngài Quang Nghiêm chấp có đạo tràng trên quả phương tiện giống như Đại phẩm nói đốt cháy không phải trước không phải sau mà không lìa trước sau. Nếu không lìa trước sau, lấy sau làm đạo tràng, thì sao không lấy trước làm đạo tràng. Nếu trước không thể, thì sau cũng không thể. Do đó ngài Tịnh Danh căn cứ sơ tâm của Viên giáo mà nói rộng nghĩa đạo tràng chân thật.

Hỏi: Ba giáo đã có hậu tâm là đạo tràng, thì sơ tâm cũng được là đạo tràng chăng?

Đáp: Các giáo phương tiện hoàn toàn dựa theo quán sao lại không

được nhưng xét về đạo lý thì nghĩa không thành. Vì sao? bởi phương tiện hậu tâm mới đủ Phật pháp, còn sơ tâm thì không thể, đâu được liệt vào. Nhưng ngài Tịnh Danh đáp chung mà chưa nói rõ hình tướng, do đó ngài Quang Nghiêm lại hỏi. Nay chấp quyền là biết một trong vô lượng bất tư nghị. Như ngọc báu trong túi mà không chỉ cho người thì người không thấy. Do đó ngài Tịnh Danh khắp trải các hạnh nói nghĩa đạo tràng, ấy là hiện bày Phật tri kiến ý ở đây vậy. Nhưng hiện bày có hai là dọc và ngang, dọc ngang chính là đó. Xe ấy cao rộng. Cao thì suốt đến đời sau, rộng thì pháp giới không bờ bến. Tướng cao rộng đầy đủ như nghĩa Tịnh độ ngang dọc ở trước nói phân tán ở các hạnh. Nếu theo văn mà bỏ biệt thì chỉ thành Thông giáo mất đi ý chánh của Biệt giáo. Nay đều ước vào sơ tâm của Viên giáo để nói về đạo tràng. Nên ở đoạn văn sau có nói: Nếu Bồ-tát hành trì Ba-la-mật thì đi đứng đều là đạo tràng, đầy đủ Phật pháp vậy.

Văn đây có bốn phần:

1. Bốn phen một lượt nói theo chiều dọc.
2. Hai mươi lăm phen một lượt nói theo ngang.
3. Một phen tóm kết giải thích.
4. Nói thời chúng được lợi.

Căn cứ bốn tâm: nếu y vào Biệt giáo đối bốn mươi tâm mà giải thích thì trực tâm tức là Thập trụ, phát hành tức là Thập hạnh, thâm tâm tức là Thập hưởng, Bồ-đề tâm tức là Thập địa cũng không hoàn toàn như thế. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh nói sơ tâm đạo tràng của Viên giáo đâu có thể dọc đối với ngôi vị bốn mươi tâm. Nay nói sơ trụ tức có bốn tâm cho đến Phật quả. Trực tâm tức là nhập vào Nhất thật đế, phát hành tức là thật đế của muôn hạnh, thâm tâm tức là tiến sâu niệm niệm lưu nhập, Bồ-đề tâm tức có đủ ba tâm ấy, như nam châm hút sắt. Các câu sau đây nếu bậc Sơ tu đều căn cứ ở năm phẩm, mà nhập vào vị tương tự, đến phát tâm trụ thì đều đủ tất cả hạnh, là chân đạo tràng. Trực tâm đạo tràng vốn không hư dối, là như kinh Hoa Nghiêm nói: Khi mới phát tâm liền thành chánh giác, thấu suốt tánh chân thật của các pháp. Lại nói: Rốt ráo lìa bỏ hư vọng không nhiễm như hư không, thanh tịnh diệu pháp thân, rỗng sáng ứng với tất cả, tức là nghĩa đạo tràng. Được tám trực vô tác, không có khổ tập hư giả nội ngoại giới. Nếu có hóa vật thì đủ bốn dụng như đã giải thích trong phần Tịnh độ. Nên Pháp Hoa khen năm phẩm rằng: “Phải biết người ấy đã đến đạo tràng gần với quả Bồ-đề ngồi dưới đạo thọ.” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Trụ ở sơ phát tâm có thể ngồi đạo tràng mới thành chánh giác.” Cũng như Đại Phẩm nói: “Có

Bồ-tát từ sơ phát tâm liền ngồi đạo tràng chuyển pháp luân”.

Phát hành là đạo tràng: Là thập hạnh của Biệt giáo được mười Ba-la-mật. Nay sơ trụ của Viên giáo thấy Nhất thật đế phát đủ muôn hạnh, phá các ác nghiệp, hiển bày các pháp môn, tức là đạo tràng. Tự lợi lợi tha gọi là hay làm xong mọi việc.

Thâm tâm là đạo tràng, là thập hướng của Biệt giáo, giải hạnh đều thâm nhập. Nay sơ tâm của Viên giáo thấy Đệ nhất nghĩa hay thấy không cùng chẳng không. Vì chẳng không tức là thâm nhập, không phải là hàng Nhị thừa và Bồ-tát của Thông giáo riêng có ba mươi tâm. Lại nữa, hàng sơ trụ được vào Trung đạo, song chiếu hai đế, tự nhiên lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã tức là sâu dần. Vì thâm tâm nên vô vô minh bị tróc rôi, thì chân pháp hiển bày tức nghĩa đạo tràng. Dọc tiến thâm nhập rộng khắp, các công đức cũng tùy theo đó mà tăng trưởng.

Bồ-đề tâm là đạo tràng, là Sơ địa của Biệt giáo gọi là chân phát tâm. Nay sơ tâm của Viên giáo thấy chân gọi là chân phát hành là rộng lưu nhập, là rộng mà sâu nên gọi là thâm quảng tâm. Bồ-tát được tâm này nên Vô duyên từ bi và vô tác hồng thệ như nam châm hút sắt, tức là tâm chân Bồ-đề, hay tự dẹp bỏ pháp giới phiền não, hiển bày pháp thân, tức là đạo tràng. Thấy Nhất thật đế không phải nhân không phải quả, phân biệt pháp giới Tứ đế vô tác, nhân quả không rối loạn, tức là Không nhầm lẫn. Lại còn, chung cả ba tâm trước tức ba đức Bồ-đề, nên gọi tâm Bồ-đề là đạo tràng.

Từ “bố thí...” là hai mươi lăm phen nói các hành xét theo chiều ngang mà nói nghĩa đạo tràng. Về Biệt giáo, lục độ đối dọc các pháp môn là từ địa thứ sáu trở xuống, và địa thứ bảy đến địa thứ mười là sơ tâm của Viên giáo tức là ngang nói, lấy ngang đối dọc, tức là nói sự cao rộng của xe ấy. Văn có năm:

- a) Xét theo lục độ tự hành.
- b) Xét theo bốn đẳng hóa tha.
- c) Xét theo đa văn tiến tu quán đế.
- d) Xét theo hàng ma nói pháp.
- e) Xét theo quả đức lục vô úy.

Xét theo lục độ: tức là hạnh gốc. Lục độ đều đủ năm thứ bốn quyền một thật, đầy đủ như giải thích trước.

Bố thí là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ Đàn Ba-la-mật bỏ tâm san tham tất cả hiển bày pháp thân bố thí, tức là đạo tràng không trông mong quả báo là trụ vào chân tu mà bố thí không mong cầu báo thế gian và duyên tu.

Trì giới là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ vào Thi Ba-la-mật này mà phá tất cả ác nghiệp, hiển bày pháp thân chân giới, tức là đạo tràng. Trong giới có đầy đủ tất cả Phật pháp, tức là được nguyện đầy đủ.

Nhẫn nhục là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ vào Sằn-đề Ba-la-mật này, luôn dẹp trừ được sân khuể pháp giới, hiển bày pháp thân chân nhẫn nhục, tức là đạo tràng. Đã đầy đủ sức Từ nhẫn quyền thật đối với chúng sinh pháp giới, tâm không trở ngại.

Tinh tấn là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ vào tinh tấn này, luôn lia bỏ sự lý giải đãi pháp giới mà được pháp thân chân tinh tấn tức ở đạo tràng này, tự nhiên lưu nhập, tức là Không giải đãi.

Thiền định là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ vào thiền định này, luôn dẹp trừ tất cả tán loạn pháp giới, hiển bày pháp thân chân thiền định, tức là đạo tràng. Đối với sự lý các thiền định mà xuất nhập tự tại, tức là tâm điều nhu vậy.

Trí tuệ là đạo tràng, là sơ phát tâm trụ vào trí tuệ này mà đoạn trừ tất cả vô minh pháp giới, hiển bày pháp thân chân trí tuệ, tức là đạo tràng. Thấy lý bốn bất khả thuyết niệm niệm hiện tiền, tức là hiện thấy các pháp.

Xét theo bốn vô lượng tâm: Từ... là đến với chúng sanh bình đẳng. Bốn đẳng tức là tâm lợi vật đứng đầu các hạnh.

Từ là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát được Vô duyên từ chân thật, lia bỏ các hoặc pháp giới hiển bày pháp thân từ chân thật, tức là đạo tràng. Khấp che pháp giới tức đẳng chúng sinh.

Bi là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát trụ vào vô duyên Bi tùy phá khổ lười mỗi, chân pháp thân hiển bày tức là đạo tràng. Tuy ở ba cõi mà cứu giúp chúng sinh tâm không lười chán.

Hỷ là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát được vô lượng tâm chân vô duyên, phá tâm không vui hoạn nạn khắp pháp giới, hiển bày pháp thân chân hoan hỷ vẻ.

Xả là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát trụ vào địa không bình đẳng tức phá yêu ghét, hiển bày pháp thân chân hư không tức là đạo tràng. Tuy lợi ích chúng sinh nhưng tâm không lấy bỏ, tức là dứt hẳn yêu ghét.

Thần thông là đạo tràng, là pháp thường biến hóa. Sơ tâm liền được sáu căn thanh tịnh và chân Như ý thông, phá các căn chướng, làm thông suốt vô minh cấu, hiển bày sáu căn pháp tánh chân tịnh, tức là đạo tràng. Đây tức thành tựu sáu thông như ứng hóa vật.

Giải thoát là đạo tràng, do giải thoát mà thành thông, nên nay tiếp nói về minh. Kinh Địa Trì nói Bồ-tát được tất cả thiền, bèn ra khỏi



biên hạn giải thoát của hàng Nhị thừa. Nếu sơ tâm nhập vào ba đế Tam-muội, tức là hai mươi lăm Tam-muội, dẹp trừ tội cấu phiền não của hai mươi lăm hữu, hiển bày ngã chân tánh của hai mươi lăm hữu, tức là đạo tràng. Vì từ nhân ấy mà bội xả được ba cõi, nên được thành tựu tám giải thoát và hai mươi lăm Tam-muội.

Phương tiện là đạo tràng tức là khéo léo hóa tha. sơ tâm trong hữu, tức có phương tiện song chiếu hai đế, phá hăng sa vô minh, hiển bày các pháp môn phương tiện, tức là đạo tràng. Thường dùng ba luân hóa tam vật bất tư nghị, thị hiện quyền xảo giáo hóa tất cả chúng sinh.

Tứ nhiếp là đạo tràng, bốn nhiếp là pháp phương tiện hóa vật, như phẩm Phương Tiện đã giải thích là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự để nhiếp giữ chúng sinh khiến họ giải thoát.

Xét theo đa văn tiến hành “Đa văn... không cố”, tuy là đầy đủ trí tự tha, nhưng Sự cần phải tiến tu, khiến thành Viên rốt ráo.

Đa văn là đạo tràng: sơ tâm Bồ-tát được nghe chân thật, giữ gìn các điều nghe biết Phật pháp mười phương, phá các vọng ám, đa văn hiển phát, tánh lìa văn tự, tức là đạo tràng. Vì hay tùy thuận làm đúng như nghe thấy.

Điều phục tâm là đạo tràng, kinh Anh Lạc nói: Từ sơ phát tâm đến kim cang đánh đều gọi là phục nhãn. Hàng sơ tâm viên phục vô minh, tiến đến hiển bày chân thật tức là đạo tràng. Một tâm ba quán tức là chánh quán các pháp.

Ba mươi bảy phẩm là đạo tràng, Bồ-tát sơ tâm được vô tác đạo phẩm, luôn dẹp trừ tám thứ điên đảo tất cả vọng hoặc, hiển bày pháp thân năm ấm pháp tánh, tiến tu giải thoát cho đến được Đại Niết-bàn tức là đạo tràng. Tứ đế nội giới, ba đế ngoại giới đều gọi là hữu vi mà bội xả vậy. Vô lượng diệt đế, vô tác đạo diệt tức là chân vô vi.

Đế là đạo tràng. Từ đây trở đi năm phen là cảnh sở quán của đạo phẩm. sơ tâm Bồ-tát luôn dùng đạo phẩm để thấy bốn thứ Tứ đế, đoạn dứt mê lý phiền não nội ngoại giới, hiển bày lý quyền thật tức là đạo tràng. Nói bốn thứ Tứ đế tức là Không lừa dối thế gian.

Duyên khởi là đạo tràng, quán mười hai nhân duyên có bốn thứ tướng. sơ tâm Bồ-tát luôn dùng vô tác đạo phẩm mà quán nhân duyên ở ba đạo, được ba thứ Bồ-đề, tức là đạo tràng. Nếu quán nhân duyên thấy ba Phật tánh tức vô tận.

Các phiền não là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát luôn dùng đạo phẩm quán ba cõi, không nhiễm hư ngụy, hiển bày Phật chân thật pháp, tức là đạo tràng. Cũng nên biết phiền não cho đến Phật pháp đều rốt ráo

không.

Chúng sinh là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát luôn dùng đạo phẩm quán chín đạo chúng sinh đều không, không thấy có tướng chúng sinh thì vọng hoặc không khởi. Thấy chân tánh chúng sinh tức là Phật tánh, tức là đạo tràng. Nếu không thấy chúng sinh có tánh nhất định thì đối với ngã và vô ngã là Không hai, đó là nghĩa chân vô ngã.

Tất cả pháp là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát luôn dùng đạo phẩm quán tất cả ấm nhập... đều không, phá các điên đảo vọng hoặc trong các pháp, hiển bày năm ấm Phật tánh, được năm thứ Niết-bàn, tức là đạo tràng. Cũng nên biết các pháp và Niết-bàn đều không.

Xét theo hàng ma thuyết pháp mà nói nghĩa đạo tràng “Hàng ma... úy cố)

Bồ-tát quán hạnh thành tựu, nên thường chế phục các ma oán.

Hàng ma là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát hay hàng phục bốn ma cho đến tám ma, thấy ma giới như, tức Phật giới như, tức là đạo tràng. Luôn ở ma giới mà tâm không lay động.

Tam giới là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát không lìa tam giới, không đắm trước tam giới. Thấy ba đế ở tam giới thành Vương Tam-muội và hai mươi lăm Tam-muội, hiển bày tất cả Phật pháp, tức là đạo tràng. Biết tam giới là Không, vốn không chỗ đến.

Sư tử hống là đạo tràng, sư tử hống gọi là nói quyết định.

sơ tâm Bồ-tát luôn phá nghi hoặc, thấy các chúng sinh đều có Phật tánh, tức là đạo tràng. Bốn thứ bất khả thuyết, nói bốn thứ nhân quả, phó cơ lợi vật quyết định không sợ sệt.

Xét theo quả đức mà nói đạo tràng “lực Vô úy... trí cố”.

Lực vô úy Bất cộng pháp là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát thành tựu mười thứ trí lực như kinh Hoa Nghiêm nói, tức là quán Nhất thật đế, thường phá vô minh được lực vô úy bất cộng chân pháp tức là đạo tràng. Lực vô úy bất cộng tự hành không lầm lỗi, hóa tha được thích hợp tức không có các lỗi.

Tam minh là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát liền được ba minh thấu suốt sự lý ba đời không trở ngại.

Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, sơ tâm Bồ-tát thấy lý Trung đạo tức luôn song chiếu hai đế, phá vô minh pháp giới, chân trí hiển bày, tức là đạo tràng. Tướng chung của sơ tâm khi tất cả trí thành thì cũng là Phật.

Một phen tóm kết nghĩa đạo tràng “Như thị ... Phật pháp hỷ”. Nếu căn cứ theo ngài Tịnh Danh, như trên đã thành tựu các Ba-la-mật, giáo

hóa chúng sinh, tùy việc đi đứng đều là trừ ngụy hiển chân, tức là từ đạo tràng mà đến, đâu có thể từ nơi Phật đắc đạo mà đến. Nếu theo sơ phát tâm trụ mà giải thích thì sơ tâm Bồ-tát dùng các Ba-la-mật để giáo hóa chúng sinh, trừ ngụy hiển chân, khi đi đứng đều quán thường ở hiện tiền, tức là từ trong đạo tràng đến. Cho đến Thập địa cũng như thế. Nếu căn cứ theo thập tín năm phẩm đệ tử mà giải thích thì: Nếu thường tu quán này, giáo hóa chúng sinh không mất chánh niệm, thì đi đứng đều là từ đạo tràng đến, đầy đủ tất cả Phật pháp. Như kinh Pháp Hoa nói: Nên biết người ấy đã đến đạo tràng.

Thời chúng được lợi ích “thuyết thị... Bồ-đề tâm”. Cả năm trăm Trời, người đều phát tâm Vô thượng đạo tức là trụ phát tâm.

\* Kết lời không kham: Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Ngài Quang Nghiêm tự nghĩ lúc xưa đã mê chân đạo tràng, nhân ngài Tịnh Danh giải thích mà thần trí yếu kém đâu dám lãnh chỉ Phật đến thăm bệnh.

-----